

Số: 3915 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024;



Văn bản thẩm định số 5610/STC-HĐTĐGD ngày 06/10/2020 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1305/TTr-STNMT ngày 08 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

Diện tích đất định giá: Với diện tích 80.178,2m².

Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT), đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở, đất đa mục đích.

Vị trí khu đất: Được xác định theo tờ Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 1343/2020, tỷ lệ 1:500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hòa thực hiện ngày 9/3/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác nhận ngày 11/3/2020.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất như sau

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, như sau:

Số TT	Đường	Đoạn	Vị trí	Giá đất cụ thể
A	Đất ở đô thị			
01	Phạm Văn Thuận		VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	52.507.000
			VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	42.005.600
			VT2 (bê tông)	22.631.000
			VT2 (hẻm đất)	19.802.000

Số TT	Đường	Đoạn	Vị trí	Giá đất cụ thể
			VT3 (bê tông)	17.843.000
			VT3 (hẻm đất)	15.861.000
			VT4 (bê tông)	13.722.000
			VT4 (hẻm đất)	12.198.000
			VT4 (không giáp hẻm)	11.535.000
02	Võ Thị Sáu	đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	50.200.000
			VT4 (bê tông)	13.722.000
			VT4 (hẻm đất)	12.198.000
			VT4 (không giáp hẻm)	11.535.000
B	Đất nghĩa địa			
01	Phạm Văn Thuận		VT3 (bê tông)	9.000.000
			VT3 (hẻm đất)	7.810.000
			VT4 (bê tông)	6.921.000
			VT4 (hẻm đất)	6.007.000
			VT4 (không giáp hẻm)	5.609.000
C	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp			
01	Phạm Văn Thuận		VT2 (bê tông)	13.579.000
D	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
01	Phạm Văn Thuận		VT2 (bê tông)	10.863.000
02	Võ Thị Sáu	đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	24.096.000
E	Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
01	Phạm Văn Thuận		VT2 (bê tông)	10.863.000
F	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo			
01	Phạm Văn Thuận		VT2 (bê tông)	10.863.000
G	Đất nông nghiệp (CLN, BHK, NTS)			
01	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm (phường Thống Nhất và phường Tân Mai)	Đường Phạm Văn Thuận; đường Võ Thị Sáu (đoạn từ từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận)	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	5.354.000
			VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.283.200
			VT2	3.440.000
			VT3	2.793.000
			VT4	2.590.000
			VT4 (không giáp hẻm)	2.230.000



Số TT	Đường	Đoạn	Vị trí	Giá đất cụ thể
02	Đất nuôi trồng thủy sản (phường Thống Nhất và phường Tân Mai)	Đường Phạm Văn Thuận; đường Võ Thị Sáu (đoạn từ từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận)	VT3	2.793.000
			VT4	2.590.000
			VT4 (không giáp hẻm)	2.230.000

3. Việc xác định vị trí từng thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và Điều 80, Điều 81 Luật Đất đai năm 2013, UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa tỉnh, Chủ tịch UBND phường Thống Nhất, phường Tân Mai, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng